

Số: 283/QĐ-THADS

Cà Mau, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán
ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017 ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Tư Pháp ban hành quy định phân cấp ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông báo số 240/TB-CQLTHADS ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, khu vực thuộc tỉnh và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý THADS (b/c);
- Niêm yết trên cổng thông tin và trụ sở tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN



Nguyễn Trường Thám



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 283 /QĐ-THADS ngày 10/6/2026 của
Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	9.505.972.506	9.505.972.506	0
1	Phí thi hành án dân sự	9.505.972.506	9.505.972.506	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	5.980.779.304	5.980.779.304	0
1	Chi sự nghiệp	5.980.779.304	5.980.779.304	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.980.779.304	5.980.779.304	0
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	356.060.500	356.060.500	0
1	Phí Thi hành án dân sự	356.060.500	356.060.500	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	116.049.920.922	116.049.920.922	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	116.049.920.922	116.049.920.922	0
1	Chi quản lý hành chính	115.911.296.124	115.911.296.124	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	52.877.107.902	52.877.107.902	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	63.034.188.222	63.034.188.222	0
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	138.624.798	138.624.798	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	138.624.798	138.624.798	0